

# Một số khía cạnh lý thuyết của cách tiếp cận "Nghiên cứu hành động tham gia" (PAR) trong phát triển cộng đồng

NGUYỄN DUY THẮNG

## I. Giới thiệu

Vào thập niên cuối của thế kỷ 20, sự tham gia của người dân đã trở thành một bộ phận quan trọng trong các chương trình và dự án phát triển, đặc biệt là trong các chương trình và dự án của Ngân hàng Thế giới và các tổ chức phát triển khác. Tham gia được coi vừa là mục đích vừa là phương tiện, vì nó xây dựng kỹ năng và nâng cao năng lực hành động của người dân trong việc giải quyết các vấn đề và cải thiện cuộc sống của họ, đóng góp cho các chính sách và các dự án phát triển tốt hơn. Các dự án sẽ có nhiều cơ hội thành công và bền vững hơn nếu có sự tham gia của người hưởng lợi của dự án.

Ngân hàng Thế giới xem sự tham gia của người dân như là một quá trình, nhờ đó người dân và đặc biệt là phụ nữ, người nghèo và trẻ em được tham gia vào quá trình ra quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của họ. Sự tham gia của người dân nhằm các mục đích: (1) Trao quyền - một sự chia sẻ quyền lực hợp lý với những người tham gia để nâng cao nhận thức về khả năng tham gia của họ vào quá trình thực hiện dự án; (2) Xây dựng và nâng cao năng lực của người dân trong việc phát triển cho chính họ và cộng đồng của họ; (3) Tăng cường hiệu lực của dự án, thúc đẩy sự đồng thuận, sự hợp tác cũng như tương tác giữa những người hưởng lợi của dự án và giữa họ với các cơ quan thực hiện dự án; (4) Chia sẻ chi phí của dự án với người hưởng lợi, do đó giảm được chi phí cũng như thời gian thực hiện dự án.

Vì vậy trong những năm gần đây cách tiếp cận tham gia đã trở thành một chính sách, một chiến lược trong các chương trình và dự án phát triển của Ngân hàng Thế giới và nhiều tổ chức phát triển khác. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là bằng cách nào để có thể huy động và tăng cường sự tham gia của người dân vào các chương trình phát triển, mà trước hết là phát triển cộng đồng của chính họ? Nhiều cách tiếp cận và phương pháp tham gia đã được nghiên cứu và phát triển về cả phương diện lý thuyết và thực hành. Theo thống kê của Guijt và Cornwall<sup>1</sup>, từ những năm 1970 tới nay đã có

---

<sup>1</sup> Giáo sư Viện nghiên cứu phát triển (IDS), Trường Đại học Sussex, Vương quốc Anh

tới 29 phương pháp và kỹ thuật tham gia được đưa ra và phát triển dưới một tên gọi chung là "Nghiên cứu tham gia" (PR - Participatory Research).

Bài viết này sẽ trình bày khái quát một số khía cạnh lý thuyết cơ bản của cách tiếp cận "Nghiên cứu hành động tham gia" (PAR)<sup>2</sup> trong phát triển cộng đồng, đặc biệt là trong phát triển cộng đồng nông thôn. Các khía cạnh cơ bản này là "kiến thức địa phương", "quyền lực", và "trao quyền". Đây cũng là bản chất của các cách tiếp cận phát triển tham gia nói chung. Bài viết sẽ tập trung phân tích mối quan hệ biện chứng giữa kiến thức, quyền lực và trao quyền, và sự phản ánh của chúng trong cách tiếp cận "Nghiên cứu hành động tham gia" trong phát triển cộng đồng, nhằm làm rõ tầm quan trọng của sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở vào quá trình phát triển.

## II. Một số khía cạnh lý thuyết cơ bản của cách tiếp cận PAR

### 2.1 Định nghĩa và các giả định cơ bản

#### 2.1.1 Định nghĩa

PAR là một cách tiếp cận tham gia. Nó vừa là một lý thuyết xã hội vừa là một phương pháp luận thực nghiệm trong phát triển cộng đồng. PAR bao gồm bốn cách tiếp cận truyền thống: "Nghiên cứu tham gia trong phát triển cộng đồng"; "Nghiên cứu hành động trong tổ chức"; "Nghiên cứu hành động trong trường học"; và "Nghiên cứu tham gia của nông dân" (Selener, 1997). Vì vậy định nghĩa về PAR phụ thuộc rất nhiều vào các cách tiếp cận này và vào người sử dụng. Tuy nhiên, Deshler (1995) đã đưa ra một định nghĩa mang tính chung nhất và được nhiều người thừa nhận:

*PAR là một quá trình nghiên cứu có hệ thống, trong đó những người đang phải trải qua một hoàn cảnh khó khăn ở cộng đồng hay ở nơi làm việc, trên tinh thần hợp tác với những người nghiên cứu như những chủ thể nghiên cứu, tham gia vào việc thu thập và phân tích thông tin, việc ra quyết định, và các hoạt động quản lý cũng như việc cải thiện hoặc giải quyết vấn đề của chính họ.*

Trong thuật ngữ "Nghiên cứu hành động tham gia", "tham gia" thể hiện quá trình dân chủ hóa trong nghiên cứu; "hành động" cho thấy nghiên cứu nhằm đóng góp trực tiếp cho những nỗ lực biến đổi thực trạng của người tham gia; "nghiên cứu" phản ánh sự cố gắng có hệ thống để sản sinh ra kiến thức cũng như giải pháp cho việc cải thiện hay thay đổi hoàn cảnh của người tham gia.

Theo Fals-Borda, PAR tự nó thể hiện là một sự sáng tạo thực tiễn và tri thức tự sinh của nhân dân các nước đang phát triển. Điều này có nghĩa là nhờ sự tham gia của người dân trong quá trình PAR kiến thức, kỹ năng và sức mạnh được sản sinh và phát triển.

Nếu chủ nghĩa duy vật lịch sử lấy đấu tranh giai cấp để giải phóng người nghèo khỏi áp bức bóc lột dưới sự lãnh đạo của các đảng cấp tiến, thì Rahman nhấn mạnh

---

<sup>2</sup> Phân biệt PAR- Participatory Action Research (nghiên cứu hành động tham gia) và PRA - Participatory Rural Appraisal (đánh giá nông thôn có sự tham gia)

ràng tư tưởng cốt lõi của cách tiếp cận PAR là ở chỗ người nghèo và người bị áp bức tự ý thức được thực trạng hoàn cảnh của họ và từng bước biến đổi thực trạng đó bằng những cách riêng của họ. Trong quá trình này, những người khác có thể đóng vai trò xúc tác và ủng hộ chứ không phải lãnh đạo, họ có thể là các cá nhân hay tổ chức.

### 2.1.2 Các giả định cơ bản của cách tiếp cận PAR

Deshler (1995) đã đưa ra các giả định cơ bản của cách tiếp cận PAR như sau:

*Các giá trị chung:* (1) Sự dân chủ hóa trong việc sử dụng và sản sinh kiến thức; (2) Sự công bằng về các lợi ích trong quá trình sản sinh kiến thức; (3) Quan điểm sinh thái hướng tới xã hội và tự nhiên; (4) Đánh giá khả năng của con người để phản ánh, học tập và trao đổi; và (5) Đảm bảo một sự biến đổi xã hội không có bạo lực.

*Quyền sở hữu:* PAR lấy lợi ích của cộng đồng làm điểm xuất phát cho mọi hoạt động hơn là bắt đầu từ lợi ích của các nhà nghiên cứu ngoài cộng đồng. Động lực nghiên cứu có thể từ nhiều nguồn khác nhau, kể cả từ những người hay tổ chức bên ngoài cộng đồng. Song, cộng đồng luôn là người chủ sở hữu nghiên cứu.

*Nghĩa vụ hành động:* Quá trình nghiên cứu gắn liền với năng lực hành động của cộng đồng và phản ánh nghĩa vụ của cả người nghiên cứu và người tham gia đối với các hoạt động văn hóa, xã hội, kỹ thuật và các hoạt động cá nhân.

*Vai trò của người tham gia:* Các thành viên của cộng đồng được tham gia vào tất cả các giai đoạn của quá trình nghiên cứu, từ việc quyết định nghiên cứu, lựa chọn vấn đề và phương pháp nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu, phân tích, giải thích, tổng hợp, kết luận và ra quyết định hành động. Những người thường bị gạt ra ngoài quá trình ra quyết định như phụ nữ, trẻ em, người nghèo... được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia vào quá trình nghiên cứu. Những người tham gia của cộng đồng đóng góp sức lực hoặc kiến thức (địa phương) của họ cho quá trình nghiên cứu.

*Vai trò của người nghiên cứu:* Luôn theo sát cộng đồng, đứng về phía họ, không đứng ngoài như một người tư vấn hay quan sát. Người nghiên cứu đóng góp sự tinh thông nghề nghiệp của mình cho cộng đồng khi cần thiết như một người tham gia.

*Phạm vi nghiên cứu:* Phạm vi nghiên cứu mang tính tổng thể, nó bao gồm sự kết hợp các mặt kinh tế, xã hội, chính trị, công nghệ cũng như các mối quan hệ giữa những người trong và ngoài cộng đồng.

*Học cách nghiên cứu:* Quá trình nghiên cứu cho phép và khuyến khích những người tham gia của cộng đồng học các phương pháp nghiên cứu và sản sinh ra kiến thức, nhờ đó những nghiên cứu sâu hơn hoặc tiếp theo có thể được thực hiện mà không bị phụ thuộc vào người nghiên cứu bên ngoài. Các biện pháp để đánh giá và phản ánh những kinh nghiệm trong quá trình nghiên cứu sẽ đóng góp cho chất lượng và sự phù hợp của các quyết định cũng như cho việc học từ chính quá trình nghiên cứu.

*Các phương pháp nghiên cứu:* Quá trình nghiên cứu tham gia có tính đến sự linh hoạt hay thay đổi phương pháp nghiên cứu nếu cần thiết. Các phương pháp

được lựa chọn phù hợp với các vấn đề và kiểu dữ liệu cũng như các mục đích học tập và hành động.

*Lợi ích:* Các kết quả nghiên cứu mang lại lợi ích cho cộng đồng. Các rủi ro được chia sẻ giữa những người nghiên cứu và cộng đồng.

*Giải quyết sự khác biệt:* Những khác biệt giữa người nghiên cứu và người tham gia liên quan đến quá trình nghiên cứu, sở hữu các sản phẩm nghiên cứu, hoặc phổ biến kết quả nghiên cứu, cần được đàm phán ngay từ đầu, và được giải quyết thông qua một quá trình mở.

## **2.2 Kiến thức, quyền lực, và trao quyền trong "Nghiên cứu hành động tham gia".**

Quyền lực, trao quyền và kiến thức địa phương được coi là những vấn đề cốt lõi của các cách tiếp cận phát triển tham gia.

### **2.2.1 Quyền lực và trao quyền.**

Khái niệm quyền lực được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau bởi nhiều tác giả khác nhau như Foucault, Max Weber, Tacott Pason, và Lukes.

Một cách tổng quát, quyền lực được mô tả như một mối quan hệ chứ không phải một đồ vật mà người ta có. Theo quan điểm của khoa học xã hội hiện đại, quyền lực có thể được hiểu như một bộ phận của các mối quan hệ giữa các đơn vị xã hội mà ứng xử của một hoặc nhiều đơn vị, trong một số hoàn cảnh, bị chi phối bởi ứng xử của các đơn vị khác (Dahl, 1986).

Trong xã hội, nhóm người nghèo thường không có hoặc có ít các mối quan hệ xã hội, dẫn đến họ không có quyền lực. Vấn đề là làm thế nào để họ có thể tham gia vào quá trình phát triển để cải thiện cuộc sống của họ và loại bỏ sự mất cân bằng về quyền lực trong các hành động xã hội. Các cách tiếp cận tham gia sẽ giúp làm cân bằng quyền lực giữa những người có quyền lực và người không có quyền lực, giữa người trong cộng đồng và người ngoài cộng đồng thông qua sự trao quyền.

*Trao quyền* là một mô hình của sự phản ánh và hành động trong đấu tranh cho sự biến đổi xã hội. Các chiến lược trao quyền nhấn mạnh tầm quan trọng của việc làm cho người dân hiểu về những động lực và các mối quan hệ quyền lực bên trong hệ thống kinh tế, chính trị và xã hội của họ. Rappaport định nghĩa trao quyền như một quá trình, một cơ chế, nhờ đó người dân trong cộng đồng và các tổ chức đạt được sự kiểm soát các công việc của họ và tham gia vào quá trình dân chủ trong cộng đồng và trong các tổ chức đó. Dân chủ được xem là yếu tố quan trọng nhất của sự trao quyền trong các cách tiếp cận tham gia.

### ***Vì sao phải trao quyền?***

Trao quyền nhằm tăng khả năng của các cá nhân, nhóm và cộng đồng để cải thiện hoàn cảnh của họ. Nói cách khác, trao quyền nhằm huy động các nguồn lực địa phương, tạo điều kiện cho các nhóm xã hội khác nhau tham gia vào việc ra quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của họ, xây dựng sự đồng thuận trong cộng đồng và

trách nhiệm của người dân trong việc xóa đói giảm nghèo cho chính họ. Vì vậy, trao quyền có thể xem như một sự phân bố lại quyền lực trong xã hội.

#### *Trao quyền cho ai?*

Robert Chambers (1997) xem các mối quan hệ quyền lực trong xã hội như một từ trường giữa hai cực Bắc và Nam. Sự tham gia dẫn đến trao quyền đòi hỏi phải làm yếu đi từ trường ở tất cả các cấp bằng các liên kết ngang hàng. Vì vậy, trao quyền được áp dụng cho các tầng lớp thấp, những người nghèo, nói cách khác những người không có quyền lực. Trong thực tiễn, một quá trình tham gia thực sự luôn đòi hỏi sự trao quyền cho người tham gia. Họ trở thành những người có vị trí quan trọng trong nghiên cứu hơn là đối tượng của nghiên cứu. Bởi lẽ, họ hiểu được chính thực trạng, điều kiện và khả năng của họ để đi đến hành động làm thay đổi thực trạng đó bằng kinh nghiệm, kiến thức và giải pháp riêng của họ.

#### *2.2.2 Kiến thức địa phương*

Đây là một khái niệm quan trọng của các cách tiếp cận tham gia. Sự thành công của việc sử dụng các cách tiếp cận tham gia vào các nghiên cứu và thực hành phát triển là ở chỗ biết kết hợp kiến thức địa phương với kiến thức khoa học để sản sinh ra kiến thức mới, kiến thức tổng hợp đóng góp cho quá trình phát triển. Một ví dụ quan trọng về kiến thức địa phương là người dân sử dụng các loại thảo dược để chữa bệnh. Chính vì vậy mà Warren đã coi

*Kiến thức địa phương là một loại kiến thức đặc biệt của một xã hội hay một nền văn hóa. Nó đối lập với hệ thống kiến thức quốc tế được sinh ra từ các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu hay các công ty tư nhân. Nó là cơ sở cho việc ra quyết định ở cấp địa phương trong các lĩnh vực Nông nghiệp, Chăm sóc sức khỏe, Quản lý nguồn lực tự nhiên, và các nguồn lực khác trong cộng đồng. Kiến thức địa phương không chỉ bao gồm kiến thức về kỹ thuật và kinh nghiệm, mà còn cả về văn hóa, lịch sử, và truyền thống của cộng đồng địa phương.*

Như vậy kiến thức địa phương là sự tích lũy kinh nghiệm, sự hiểu biết, những truyền thống và văn hóa của người dân ở địa phương. Những kiến thức và kinh nghiệm ấy tồn tại trong mỗi người dân, chúng sẽ được chuyển thành sức mạnh cho sự phát triển nếu được kết hợp với kiến thức khoa học nhờ sự tham gia của người dân vào quá trình nghiên cứu.

Thực tế cho thấy rằng, các mô hình cổ điển về chuyển giao công nghệ đã không thành công vì chúng đã bỏ qua kiến thức địa phương. Điều này có thể thấy rõ trong các mô hình kế hoạch hóa tập trung và phân phối dịch vụ theo kiểu từ trên xuống (top-down). Vì các dịch vụ được cung cấp không dựa vào nhu cầu của người dân, dẫn đến có thể không đáp ứng được nhu cầu của họ hoặc không phù hợp với hoàn cảnh địa phương, do đó không được sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả.

Trước sự khủng hoảng của các nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung đầu những năm 80 thế kỷ 20, các nhà kinh tế lý thuyết buộc phải chuyển sang mô hình

"kinh tế thị trường tự do" (free market). Tuy nhiên, mô hình này cũng không có sự tham gia của người dân, đặc biệt là nhóm người nghèo vào việc xác định nhu cầu và ra quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của họ, nên cũng không thành công, thậm chí còn đẩy nhanh sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

Để khắc phục tình trạng này, mô hình kinh tế thị trường tự do đã coi trọng sự tham gia của người dân trong việc xác định nhu cầu, ra quyết định và thực hiện quyết định đó của họ. Do vậy, một mặt mô hình này đã thúc đẩy lực lượng thị trường phát triển, mặt khác làm giảm sự can thiệp của Nhà nước. Những nỗ lực này đã làm biến đổi cách tiếp cận phúc lợi có định hướng, trong đó người dân là những người hưởng lợi thụ động, sang cách tiếp cận phát triển cộng đồng nhằm nâng cao tính tự lực của cộng đồng thông qua sự tham gia chủ động của người dân vào quá trình phát triển của chính họ. Mô hình này còn cho thấy hệ thống kiến thức địa phương có thể làm cơ sở cho việc xây dựng các chiến lược phát triển bền vững, bởi vì nó tập trung vào tầng lớp dân thường và cho rằng người nghèo thì biết rõ nhu cầu và những khó khăn của họ. Hơn nữa, họ có kiến thức địa phương tốt hơn những người ngoài cộng đồng, họ hiểu rõ điều kiện và hoàn cảnh của địa phương và của cả chính họ nữa, cũng như nguyên nhân vì sao họ nghèo và đã biết cách để tồn tại trong hoàn cảnh nghèo khổ đó. Do vậy, các cách tiếp cận tham gia nhằm tiếp cận đến kiến thức địa phương để kết hợp nó với kiến thức khoa học làm cơ sở cho các hành động biến đổi xã hội.

### *2.2.3. Mối quan hệ giữa kiến thức địa phương, quyền lực và trao quyền*

Trong các cách tiếp cận phát triển tham gia, kiến thức (kiến thức địa phương và kiến thức khoa học), quyền lực và trao quyền có mối quan hệ biện chứng với nhau. Quá trình phát triển sẽ được đẩy nhanh và đảm bảo tính bền vững nếu có sự tham gia của người dân. Bởi vì, sự tham gia nhằm trao quyền và tạo cơ hội cho người dân được đóng góp kiến thức và kinh nghiệm của họ vào quá trình phát triển. Thông qua quá trình tham gia, kiến thức của người dân được trao đổi, thảo luận và được kết hợp với kiến thức khoa học để tạo ra một kiến thức tổng hợp, một sức mạnh mới cho sự phát triển. Mặt khác, kiến thức địa phương cũng sẽ ngăn cản những ai dùng quyền lực để duy trì sự độc quyền trong việc xác định nhu cầu của người khác. Nói cách khác, việc áp đặt nhu cầu cho người dân sẽ dẫn đến không thành công trong quá trình phát triển.

Tóm lại như đã phân tích ở trên, kiến thức, quyền lực và trao quyền có mối quan hệ tương tác lẫn nhau. Kiến thức tạo ra sức mạnh cho sự thay đổi, trao quyền loại bỏ sự mất cân bằng về quyền lực và tạo ra một môi trường dân chủ trong việc sản sinh ra kiến thức để đóng góp vào quá trình phát triển.

### *2.2.4 Sự phản ánh kiến thức địa phương, quyền lực, và trao quyền trong cách tiếp cận PAR*

Mục tiêu của cách tiếp cận PAR trong phát triển cộng đồng là tạo cơ hội cho người dân, đặc biệt những người nghèo và bị áp bức, tham gia vào quá trình phát triển của chính họ, từ việc xác định vấn đề, lập kế hoạch, thực hiện và giám sát, bằng kiến thức, kinh nghiệm và phương pháp riêng của họ. Do đó, PAR được xây

dụng để chuyển quyền ra quyết định và thực hiện quyết định vào tay những người tham gia. Mặt khác, PAR tạo ra và thúc đẩy sự dân chủ hóa trong việc sản sinh ra kiến thức thông qua sự trao quyền cho người tham gia. Dân chủ được coi là điều kiện cơ bản để thúc đẩy tính tự lực của cộng đồng. Vì vậy, phát triển cộng đồng có thể coi là một quá trình tổ chức lại xã hội, bao gồm việc tăng cường tính "tự lực" và "sự hòa hợp các tổ chức", và xây dựng "sự đồng thuận" trong cộng đồng.

Cách tiếp cận "Nghiên cứu hành động tham gia" trong phát triển cộng đồng lấy kiến thức địa phương làm điểm xuất phát để xây dựng và nâng cao sức mạnh của người dân và các tổ chức của họ. Kiến thức của người dân được hệ thống hóa và mở rộng thông qua các hoạt động tập thể của họ với sự hợp tác của người ngoài cộng đồng (người nghiên cứu, người thực hành phát triển). PAR tạo điều kiện cho các nhóm xã hội khác nhau tham gia vào việc ra quyết định, xác định các mô hình phát triển và xóa bỏ nghèo khổ, xây dựng sự đồng thuận trong những người tham gia. Cách tiếp cận PAR làm giảm khoảng cách giữa người nghiên cứu và người tham gia để xây dựng một mối quan hệ chủ thể-chủ thể trong nghiên cứu và hành động. Do đó, sự tham gia trong quá trình PAR sẽ phá vỡ các mối quan hệ phụ thuộc, trả lại cho người dân khả năng làm thay đổi thực trạng của họ bằng kiến thức, kinh nghiệm và các giải pháp riêng của họ.

Hai yếu tố quan trọng nhất của sự trao quyền trong quá trình PAR là "tự trị - dân chủ", và "khôi phục vị thế - đẩy mạnh kiến thức địa phương" (Rahman, 1993). "Tự trị" thúc đẩy sự phát triển của một nền văn hóa và nâng cao tính tự lực của cộng đồng. "Dân chủ" tạo nên một không gian mở cho sự nghiên cứu tham gia và sản sinh ra kiến thức của người dân. Nhờ đó kiến thức địa phương được coi trọng và phát triển. Selener (1997) nhấn mạnh rằng PAR sẽ mang lại một sự biến đổi xã hội chỉ khi các vấn đề nghiên cứu và chương trình hành động được xác định và thực hiện bởi các nhóm bất lợi thế.

PAR tập hợp người dân thành các nhóm trên cơ sở những tiêu chuẩn rất linh hoạt như cùng chia sẻ lợi ích về một vấn đề cụ thể, liên minh giữa các nhóm xã hội và giữa các cá nhân để thực hiện mục tiêu phát triển. Thông qua sự tham gia vì những mục tiêu chung này, các mâu thuẫn trong cộng đồng, nhóm xã hội sẽ bị loại bỏ. Vì vậy, PAR được coi như một lý thuyết xã hội, nó giúp xây dựng một thế giới hoà bình và tốt đẹp hơn cho con người với sự công bằng xã hội.

### **Kết luận**

Như đã phân tích ở trên, kiến thức, quyền lực và trao quyền đóng vai trò rất quan trọng trong cách tiếp cận PAR nói riêng và các cách tiếp cận phát triển tham gia nói chung. Chúng có mối liên hệ tương tác lẫn nhau. Trong quá trình PAR, kiến thức, quyền lực và trao quyền là động lực thúc đẩy sự biến đổi xã hội.

PAR được xem như một phương tiện để huy động sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển, dựa trên kiến thức, sự hiểu biết và các giải pháp riêng của họ. Mặt khác, PAR thúc đẩy tính tự lực của cộng đồng và tạo môi trường dân chủ trong sự tham gia. Cách tiếp cận PAR có thể thích ứng trong những bối cảnh khác

nhau về kinh tế, chính trị, văn hóa và khu vực, và được áp dụng trong nhiều lĩnh vực như phát triển cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng nông thôn, nghiên cứu hành động tham gia trong tổ chức và trong giáo dục.

PAR tự nó thể hiện như một quá trình nghiên cứu, giáo dục, và hành động đưa đến sự thay đổi thực trạng của người dân, trong đó người nghiên cứu và người dân hợp tác trong việc thực hiện nghiên cứu, học tập và trao đổi lẫn nhau. Nhờ đó, cách tiếp cận PAR thúc đẩy sự biến đổi xã hội theo hướng bền vững và không có bạo lực.

### Tài liệu tham khảo

1. Bennett, E.A. (1996). *The participatory principle in development projects: The costs and benefits of co-operation*. The international Journal of management research and practice, Vol.16. No.1
2. Bhatnagar B. and Williams, A.C. (1992). *Participatory development and the World Bank : potential directions for change*. Washington, D.C. World Bank, (Discussion papers ; 183).
3. Chambers, R. (1997). *Whose reality count? putting the first last*. London: intermediate Technology Publications.
4. Chambers, R. (2000). *Paradigm shifts and the practice of participatory research and development*. In Nelson, N. and Wright, S. (2000): *Power and participatory development: Theory and practice*. London: intermediate Technology Publications.
5. Cornwall, A., Guijt, I., and Welbourn, A. (1993). *Acknowledging process: challenges for agricultural research and extension methodology*. IDS discussion paper.
6. Deshler, D. and Ewert, M. (1995). *Participatory action research: Traditions and major assumptions*. USA: Cornell University.
7. Fals-Borda, O. and Rahman, M.A. (1991). *Action and knowledge : breaking the monopoly with participatory action research*. New York : Apex Press.
8. Fals-Borda, O. (1993). *Knowledge and people's power: Lessons with peasants in Nicaragua, Mexico and Colombia*. New Delhi and New York: Indian social Institute and New Horizons Press.
9. Foulcault, M. (1980). *Power/knowledge*. New York: Pantheon Books
10. Hall, L.B. (1981). *Participatory research, popular knowledge and power: A personal reflection*. Convergence, Vol.XIV, No.3.
11. Lammeling, M.P. (1994). *People's participation and action research in community development: experience from Nicaragua*. Community development Journal, Vol.29, No.4.
12. Lukes, S. (1974). *Power: A radical view*. London: Macmillan Press Ltd.
13. Nelson, N. and Wright, S. (1995). *Power and participatory development: theory and practice*. London : Intermediate Technology Publication.
14. Rahman, M.A. (1993). *People's self-development: perspectives on participatory action research*. London: University Press Limited.
15. Rappaport, J. (1987). *Terms of empowerment - exemplars of prevention: towards a theory for community psychology*. America Journal of community psychology, Vol.15, No.2, pp.121-45.
16. Selener, D. (1997). *Participatory action research and social change*. New York: Cornell University.
17. Whyte, W. (1991). *Participatory Action Research*: London: Sage.